

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 96/1997/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

Căn cứ Điều 28, Điều 29 Nghị định số 68/CP ngày 1-11-1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP VÀ MỨC THU

1. Đối tượng nộp lệ phí:

Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài được phép hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 68/CP ngày 1/11/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật khoáng sản phải nộp các loại lệ phí sau đây:

- Lệ phí cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (dưới đây gọi chung là giấy phép hoạt động khoáng sản).
- Lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản đối với giấy phép được cấp có thời hạn từ 12 tháng trở lên.

2. Mức thu:

- Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản quy định như sau:

TT	Loại giấy phép	Đơn vị tính	Cấp mới	Cấp lại (Gia hạn, đổi,
----	----------------	-------------	---------	---------------------------

				nhượng thừa kế)
I	Khảo sát			
1	Tổ chức, cá nhân trong nước	1000 đồng	500	250
2	Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài.	USD	300	150
II	Thăm dò			
1	Tổ chức, cá nhân trong nước	1000 đồng	2.000	1.000
2	Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài.	USD	1.000	500
III	Khai thác			
1	Tổ chức, cá nhân trong nước	1000 đồng	4.000	2.000
2	Tổ chức, cá nhân nước ngoài	USD	2.000	1.000
3	Khai thác tận thu			
	- Tổ chức	1000 đồng	1.000	500
	- Cá nhân	1000 đồng	50	20
IV	Chế biến			

1	Tổ chức, cá nhân trong nước	1000 đồng	2.000	1.000
2	Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài.	USD	1.000	500

Đối với việc cấp lại giấy phép trong trường hợp chuyển nhượng, thừa kế thì người được chuyển nhượng, được thừa kế phải nộp lệ phí.

b. Mức thu lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản đối với các giấy phép có thời hạn từ 12 tháng trở lên quy định như sau:

TT	Năm	Tổ chức, cá nhân trong nước (Đồng/km ² /năm)	Tổ chức, cá nhân nước ngoài (USD/km ² /năm)
1	Năm thứ nhất	200.000	20
2	Năm thứ hai	300.000	30
3	Năm thứ ba	400.000	40
4	Năm thứ tư trở đi	500.000	50

Số tiền lệ phí độc quyền thăm dò phải nộp đối với mỗi giấy phép tính theo diện tích và thời gian ghi trên giấy phép. Để đơn giản khi tính thu lệ phí, đối với giấy phép có thời hạn trên một năm được xác định như sau:

Giấy phép có thời hạn 12 tháng thì tính theo mức thu của năm thứ nhất.

Giấy phép có thời hạn trên 12 tháng nhưng dưới 24 tháng thì:

12 tháng đầu tính theo mức thu của năm thứ nhất